

Số: /QĐ-UBND

Đắk Lắk, ngày tháng năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc điều chỉnh, bổ sung một số nội dung quy định
tại Quyết định số 2506/QĐ-UBND ngày 11/9/2017 của UBND tỉnh**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 118/2014/NĐ-CP ngày 17/12/2014 của Chính phủ về sắp xếp, đổi mới và phát triển, nâng cao hiệu quả hoạt động của Công ty nông, lâm nghiệp; Nghị định số 167/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017 của Chính phủ quy định việc sắp xếp lại, xử lý tài sản công;

Căn cứ Thông tư số 07/2015/TT-BTNMT ngày 26/02/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định việc lập phương án sử dụng đất; lập hồ sơ ranh giới sử dụng đất; đo đạc, lập bản đồ địa chính; xác định giá thuê đất; giao đất, cho thuê đất và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với Công ty nông, lâm nghiệp;

Căn cứ Quyết định số 2506/QĐ-UBND ngày 11 tháng 9 năm 2017 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Phương án sử dụng đất của Công ty TNHH MTV cao su Krông Búk tại các huyện: Krông Năng, Krông Búk, Cư M'gar;

Căn cứ Quyết định số 1661/QĐ-UBND ngày 28/6/2019 của UBND tỉnh về việc phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và Kế hoạch sử dụng đất năm 2016 huyện Krông Năng; Quyết định số 1663/QĐ-UBND ngày 28/6/2019 của UBND tỉnh về việc phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và Kế hoạch sử dụng đất năm 2016 huyện Krông Búk; Quyết định số 1412/QĐ-UBND ngày 12/6/2019 của UBND tỉnh về việc phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và Kế hoạch sử dụng đất năm 2016 huyện Cư M'gar;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 306/TTr-STNMT ngày 15/7/2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1.

1. Điều chỉnh, bổ sung nội dung quy định tại Điều 1 của Quyết định số 2506/QĐ-UBND ngày 11/9/2017 của UBND tỉnh thành:

a. Hiện trạng quản lý, sử dụng đất: Tổng diện tích đất Công ty TNHH MTV cao su Krông Búk đang quản lý, sử dụng 3.944,49 ha (bao gồm: đất nông nghiệp 3.775,34 ha, đất phi nông nghiệp 169,15 ha) tại địa bàn huyện Krông Năng, huyện Krông Búk, huyện Cư M'gar. Trong đó:

- Tại huyện Krông Năng: diện tích 3.851,07 ha;
- Tại huyện Krông Búk: diện tích 81,42 ha;
- Tại huyện Cư M'gar: diện tích 12,00 ha.

(Hiện trạng quản lý, sử dụng các loại đất, phân theo đơn vị hành chính cấp xã theo Phụ lục số 01 kèm theo)

b. Diện tích đất Công ty TNHH MTV cao su Krông Búk giữ lại để sản xuất kinh doanh 3.608,31 ha (bao gồm: đất nông nghiệp 3.577,63 ha, đất phi nông nghiệp 30,68 ha) tại địa bàn huyện Krông Năng, huyện Krông Búk, huyện Cư M'gar. Trong đó:

- Tại huyện Krông Năng: diện tích 3.515,38 ha;
- Tại huyện Krông Búk: diện tích 80,93 ha;
- Tại huyện Cư M'gar: diện tích 12,00 ha.

(Hiện trạng quản lý, sử dụng các loại đất, phân theo đơn vị hành chính cấp xã theo Phụ lục số 02 kèm theo)

c. Diện tích đất Công ty TNHH MTV cao su Krông Búk bàn giao về địa phương quản lý 336,18 ha (bao gồm: đất nông nghiệp 197,71 ha, đất phi nông nghiệp 138,47 ha) tại địa bàn huyện Krông Năng, huyện Krông Búk. Trong đó:

- Tại huyện Krông Năng: diện tích 335,69 ha;
- Tại huyện Krông Búk: diện tích 0,49 ha;

(Hiện trạng quản lý, sử dụng các loại đất, phân theo đơn vị hành chính cấp xã theo Phụ lục số 03 kèm theo)

d. Vị trí, ranh giới khu đất điều chỉnh theo các Tờ bản đồ điều chỉnh Phương án sử dụng đất do Công ty lập ngày 15/6/2020 và hồ sơ điều chỉnh Phương án sử dụng đất kèm theo, thay thế cho các Tờ bản đồ Phương án sử dụng đất đính kèm Quyết định số 2506/QĐ-UBND ngày 11/9/2017 của UBND tỉnh.

đ. Hình thức sử dụng đất: Thực hiện theo quy định của pháp luật.

e. Lý do điều chỉnh: Theo kết quả đo đạc xác định ranh giới, cắm mốc ranh giới sử dụng đất, lập bản đồ địa chính của Công ty được kiểm tra, nghiệm thu; kết quả rà soát, bổ sung về đất đai của Công ty.

2. Các nội dung khác không điều chỉnh, bổ sung thực hiện theo quy định tại Quyết định số 2506/QĐ-UBND ngày 11/9/2017 của UBND tỉnh.

Điều 2. Căn cứ Điều 1 của Quyết định này:

1. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn Công ty TNHH MTV cao su Krông Búk lập hồ sơ thu hồi đất, thuê đất (nếu có), điều chỉnh diện tích thuê đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo Phương án sử dụng đất được phê duyệt điều chỉnh và quy định của pháp luật.

2. Giao UBND các huyện: Krông Năng, Krông Búk, Cư M'gar:

- Rà soát, tổng hợp diện tích đất nêu trên vào Quy hoạch sử dụng đất cấp huyện giai đoạn 2011 - 2030 theo quy định;

- Tiếp nhận diện tích đất Công ty bàn giao về địa phương quản lý (nếu có) theo quy định để quản lý, lập Phương án sử dụng đất trình cấp có thẩm quyền thẩm định, phê duyệt theo quy định;

- Phối hợp, hỗ trợ Công ty trong việc lập, hoàn thiện hồ sơ thu hồi đất, thuê đất (nếu có), điều chỉnh diện tích thuê đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định.

3. Công ty TNHH MTV cao su Krông Búk có trách nhiệm:

- Chịu trách nhiệm về kết quả rà soát, lập điều chỉnh Phương án sử dụng đất trình thẩm định, phê duyệt;

- Quản lý, sử dụng đất theo đúng Phương án sử dụng đất được phê duyệt và theo quy định của pháp luật;

- Lập hồ sơ thu hồi đất, thuê đất (nếu có), điều chỉnh diện tích thuê đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định gửi về Sở Tài nguyên và Môi trường để xem xét, giải quyết;

- Xử lý dứt điểm việc lấn, chiếm, kiến nghị, khiếu nại, liên doanh, liên kết về đất đai (nếu có) theo quy định;

- Bàn giao hồ sơ, tài liệu có liên quan đến diện tích đất Công ty bàn giao về địa phương quản lý cho UBND cấp huyện nơi có đất theo quy định;

- Trong thời gian cơ quan nhà nước có thẩm quyền chưa ban hành Quyết định thu hồi đất đối với diện tích đất Công ty rà soát giao về địa phương quản lý theo Phương án sử dụng đất được phê duyệt điều chỉnh thì Công ty có trách nhiệm tiếp tục quản lý, không để xảy ra việc lấn, chiếm đất đai, xây dựng các công trình trái phép.

4. Giao Sở Thông tin và Truyền thông đăng tải Quyết định này lên Cổng Thông tin điện tử tỉnh Đắk Lắk.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Xây dựng, Thông tin và Truyền thông; Cục trưởng Cục Thuế tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện: Krông Năng, Krông Búk, Cư M'gar; Giám đốc Công ty

TNHH MTV cao su Krông Búk; Thủ trưởng đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- CT, các PCT UBND tỉnh (để biết);
- Lãnh đạo VPUBND tỉnh;
- Công ty TNHH MTV cao su Krông Búk;
(Đ/c: thôn Hồ Tiếng, xã Ea Hồ, huyện Krông Năng)
- Lưu: VT, NNMT (Trung.06b).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Tuấn Hà

HIỆN TRẠNG QUẢN LÝ, SỬ DỤNG ĐẤT CÔNG TY TNHH MTV CAO SU KRÔNG BÚK

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2020 của UBND tỉnh)

Đơn vị tính: ha

TT	Loại đất	Diện tích	Theo địa giới hành chính cấp huyện, cấp xã phân ra												Ghi chú		
			Tại huyện Krông Năng	Trong đó									Tại huyện Krông Búk	Trong đó		Tại xã Ea Kuêh, huyện Cư M'gar	
				Xã Cư Klông	Xã Dliê Ya	Xã Ea Dah	Xã Ea Puk	Xã Tam Giang	Xã Ea Hồ	TT Krông Năng	Xã Phú Lộc	Xã Cư Pong		Xã Ea Sin			
Tổng diện tích (I+II)		3.944,49	3.851,07	951,12	841,25	179,64	153,97	451,33	350,12	45,23	878,41	81,42	66,90	14,52	12,00		
I	Đất nông nghiệp	3.775,34	3.681,92	919,11	754,59	179,53	153,64	450,34	301,85	45,23	877,63	81,42	66,90	14,52	12,00	Trong đó có 241,7 ha đất đã thu hồi giao về địa phương quản lý theo Phương án sử dụng đất được phê duyệt	
1	Đất trồng cây hàng năm khác	1,31	1,31	0,65	0,66	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-		
2	Đất trồng cây lâu năm	3.386,98	3.295,97	737,98	599,34	174,04	148,72	439,15	297,00	44,54	855,20	79,36	65,12	14,24	11,65		
3	Đất rừng sản xuất (rừng trồng)	274,09	274,09	146,00	128,09	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-		
4	Đất sản xuất nông nghiệp (đường lô sản xuất)	112,96	110,55	34,48	26,50	5,49	4,92	11,19	4,85	0,69	22,43	2,06	1,78	0,28	0,35		
II	Đất phi nông nghiệp	169,15	169,15	32,01	86,66	0,11	0,33	0,99	48,27	-	0,78	-	-	-	-		
1	Đất Thương mại dịch vụ	4,63	4,63	-	1,06	-	-	-	3,57	-	-	-	-	-	-		
2	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	30,83	30,83	4,43	10,90	0,11	0,33	0,99	13,29	-	0,78	-	-	-	-		
3	Đất thủy lợi	133,69	133,69	27,58	74,70	-	-	-	31,41	-	-	-	-	-	-		

Phụ lục số: 03

**DIỆN TÍCH ĐẤT CÔNG TY TNHH MTV CAO SU KRÔNG BÚK
BÀN GIAO VỀ ĐỊA PHƯƠNG QUẢN LÝ**

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2020 của UBND tỉnh)

Đơn vị tính: ha

TT	Loại đất	Diện tích	Theo địa giới hành chính cấp xã, cấp huyện phân ra								Ghi chú
			Tại huyện Krông Năng	Trong đó						Tại xã Ea Sin, huyện Krông Búk	
				Xã Cư Klông	Xã Dliê Ya	Xã Ea Dah	Xã Tam Giang	Xã Ea Hồ	Xã Phú Lộc		
Tổng diện tích (I+II)		336,18	335,69	127,36	154,62	1,91	1,94	39,26	10,60	0,49	Trong đó có 241,7 ha đất đã thu hồi giao về địa phương quản lý theo Phương án sử dụng đất được phê duyệt
I	Đất nông nghiệp	197,71	197,22	99,78	75,47	1,91	1,61	7,85	10,60	0,49	
1	Đất trồng cây hàng năm khác	1,31	1,31	0,65	0,66	-	-	-	-	-	
2	Đất trồng cây lâu năm	141,08	140,59	75,88	42,74	1,91	1,61	7,85	10,60	0,49	
3	Đất rừng sản xuất (rừng trồng)	55,20	55,20	23,25	31,95	-	-	-	-	-	
4	Đất sản xuất nông nghiệp (đường lô sản xuất)	0,12	0,12	-	0,12	-	-	-	-	-	
II	Đất phi nông nghiệp	138,47	138,47	27,58	79,15	-	0,33	31,41	-	-	
1	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	4,78	4,78	-	4,45	-	0,33	-	-	-	
2	Đất thủy lợi	133,69	133,69	27,58	74,70	-	-	31,41	-	-	

